

Số: 65/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thiện D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D: Bà Hoàng Thị H – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thiện D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 05/5/2015 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Thiện D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 16/6/2019 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng

nuôi con chung cho bên nào. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thiện D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thiện D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002471 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị T 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Thiện D là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 6 – Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS;VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo

